TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Do và bà Nguyễn Thị Chín

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Vũ Đức Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 92/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14/10/2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm: 1991. Địa chỉ hiện nay: Thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 064191005846, cấp ngày 25/01/2022. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Làng A, xã K, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 52083024444, cấp ngày 25/01/2022. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Võ Thị H là nguyên đơn trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị là Võ Thị H, sinh năm 1991 (là nguyên đơn) và anh Phạm Văn P, sinh năm 1983 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2012 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sống không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã và sống không hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Võ Thị H và anh Phạm Văn P có 01 con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con chung nêu trên và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tuy nhiên hiện nay con Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 đã trên 7 tuổi nên theo quy định thì việc con ở với ai khi cha mẹ ly hôn là do con quyết định.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu chị Võ Thị H được nuôi con thì chị không yêu cầu anh Phạm Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn P là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/12/2025 thì anh Phạm Văn P trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị H, sinh năm 1991 (là nguyên đơn) và anh là Phạm Văn P, sinh năm 1983 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2012 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng cũng có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, nhưng bản thân ánh vẫn muốn đoàn tụ với vợ, nếu vợ anh không đồng ý đoàn tụ thì anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh muốn được nuôi 01 con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên hiện nay con đã trên 7 tuổi nên theo quy định thì việc con ở với ai khi cha mẹ ly hôn là do con quyết định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Xét thấy, anh Phạm Văn P là bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ Làng A, xã K, tỉnh Gia Lai nên vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình trên được Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn đã được tống đạt hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và Tòa án không có thu thập tài liệu, chứng cứ do đó việc xét xử vụ án không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị H, sinh năm 1991 (là nguyên đơn) và anh Phạm Văn P, sinh năm 1983 (là bị đơn) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2012 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai) nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn trình bày như sau: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, trước đây vợ chồng sống chung tại địa chỉ Làng A, xã K, tỉnh Gia Lai, nhưng hiện nay vợ chồng đã ly thân và chị đã đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại địa chỉ Thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai. và hiện nay chị và P đã sống ly thân. Chị nhận thấy

vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn P (Bút lục 22, 25, 26, 31, 33).

Tại phiên tòa anh Phạm Văn P là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/12/2025 thì anh Phạm Văn P trình bày như sau: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng cũng có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, nhưng bản thân ánh vẫn muốn đoàn tụ với vợ, nếu vợ anh không đồng ý đoàn tụ thì anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (Bút lục 31, 33).

Theo quy định Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".*

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng và đã có đăng ký kết hôn từ ngày 16/5/2012, nguyên và bị đơn cũng thừa nhận trong hôn nhân vợ chồng sống không hạnh phúc, có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không sống chung với nhau, nguyên đơn không còn quan tâm, yêu thương với nhau. Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã triệu tập lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, do mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

[3.1] Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013.

Nguyên đơn trình bày là sau khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi con chung nêu trên, tuy nhiên hiện nay con là con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 đã trên 7 tuổi nên theo quy định thì việc con ở với ai khi cha mẹ ly hôn là do con quyết định (Bút lục 22, 26, 31, 33).

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/12/2025 bị đơn trình bày như sau: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh muốn được nuôi 01 con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên hiện nay con đã trên 7 tuổi nên theo quy định thì việc con ở với ai khi cha mẹ ly hôn là do con quyết định (Bút lục 24, 31, 33).

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 là con chung của nguyên đơn và bị đơn và cháu T đã trên 07 tuổi, tại phiên tòa cháu

T vắng mặt nhưng tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/10/2025 thì cháu T có ý kiến bằng văn bản là có nguyện vọng được ở với mẹ là Võ Thị H khi cha mẹ ly hôn (Bút lục 27). Để đảm bảo quyền lợi của con, theo đề nghị của nguyên đơn và phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bị đơn nêu trên.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Nhận thấy khi khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên nuôi 01 con chung nêu trên mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H. Chị Võ Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cho chị Võ Thị H được quyền nuôi con chung là Phạm Thùy T, sinh ngày 04/02/2013 cho đến khi con đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Phạm Văn P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đôi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Võ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Võ Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003293 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10, tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai (GCNKH do UBND xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp số 58 ngày 16/5/2012);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Xuân Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Xuân Hòa